

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng  
Khu đô thị du lịch biển Phan Thiết**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về việc lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian kiến trúc, cảnh quan đô thị;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông báo số 477-TB/TU ngày 23/3/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phương án Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị du lịch biển Phan Thiết;

Căn cứ Kết luận số 176-KL/TU ngày 22/6/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phương án quy hoạch và thiết kế đô thị riêng khu vực ven biển Khu đô thị du lịch biển Phan Thiết và dự án Ocean Dunes Resort (nay là dự án Rang Dong Luxury Apartment Tower);

Căn cứ Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 06/4/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt đề án Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị du lịch biển Phan Thiết, phường Phú Thủy, thành Phố Phan Thiết;

Căn cứ Quyết định số 3762/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Quy định quản lý theo đề án Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị du lịch biển Phan Thiết;

Căn cứ Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị du lịch biển Phan Thiết;

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 758/QĐ-UBND ngày 22/3/2017 của UBND tỉnh chấp thuận Công ty TNHH Khu nghỉ mát Phan Thiết thực hiện dự án Rang Dong Luxury Apartment Tower;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2884/TTr-SXD ngày 31/8/2018 và Công văn số 3115/SXD-QHKT ngày 20/9/2018,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị du lịch biển Phan Thiết đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, điều chỉnh tại Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 06/4/2015, Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 và ban hành Quy định quản lý tại Quyết định số 3762/QĐ-UBND ngày 25/12/2015, cụ thể như sau:

**1. Điều chỉnh nội dung Quy hoạch chi tiết xây dựng đã được phê duyệt tại Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 06/4/2015:**

**1.1.** Điều chỉnh phạm vi khu quy hoạch tại khoản 1 Điều 1 như sau:

Quy mô diện tích đất: Khoảng 64,5656 ha (bao gồm 62,0656 ha đất thuộc dự án Khu đô thị du lịch biển Phan Thiết và 2,5 ha đất thuộc dự án Rang Dong Luxury Apartment Tower).

**1.2.** Điều chỉnh cơ cấu sử dụng đất tại khoản 4 Điều 1 như sau:

- Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất như sau:

**Bảng cân bằng quy hoạch sử dụng đất**

STT	Loại đất	Quy hoạch được duyệt		Quy hoạch điều chỉnh	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở kết hợp thương mại – dịch vụ	36,3534	58,57	38,7315	59,99
2	Đất công cộng (nhà trẻ, mầm non, sinh hoạt khu phố)	0,2519	0,41	0,2519	0,39
3	Đất giao thông	19,7750	31,86	19,8692	30,77
4	Đất công viên cây xanh, cây xanh giao thông	5,6853	9,16	5,7130	8,85
<b>Tổng</b>		<b>62,0656</b>		<b>64,5656</b>	

- Điều chỉnh ký hiệu và quy hoạch phân lô.

*(Nội dung cụ thể tại bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch phân lô kèm theo)*

**1.3.** Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan tại khoản 5, Điều 1, cụ thể:

- Điều chỉnh, bổ sung tiết a điểm 5.1 như sau:

*“a) Đất ở nhà phố (nhà ở liền kề):*

- Mật độ xây dựng trên mỗi lô đất tối đa 80%. Riêng những lô đất có diện tích nhỏ hơn 100 m<sup>2</sup> thì mật độ xây dựng tối đa 90%. Trường hợp gộp 02 lô đất trở lên thì mật độ xây dựng như sau:

- + Tối đa 70% đối với lô đất có diện tích từ 141 m<sup>2</sup> đến nhỏ hơn 240 m<sup>2</sup>;
- + Tối đa 65% đối với lô đất có diện tích từ 240 m<sup>2</sup> đến 360 m<sup>2</sup>;
- + Tối đa 55% đối với lô đất có diện tích từ lớn hơn 360 m<sup>2</sup> đến nhỏ hơn 500 m<sup>2</sup>;

- + Tối đa 50% đối với lô đất có diện tích từ 500 m<sup>2</sup> đến nhỏ hơn 1.000 m<sup>2</sup>;
- + Tối đa 40% đối với lô đất có diện tích từ 1.000 m<sup>2</sup> trở lên.”

- Tầng cao xây dựng: 03 – 07 tầng (không kể tầng hầm, bán hầm, tầng lửng, tầng kỹ thuật, tầng áp mái, mái tum thang).

- Chỉ giới xây dựng công trình:

- + Đối với nhà ở trên 01 lô đất: Chỉ giới xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ; trường hợp có nhu cầu về thiết kế tạo không gian kiến trúc, cảnh quan thì được phép lùi tối đa 0,5 m so với chỉ giới đường đỏ;

- + Đối với nhà ở xây dựng trên từ 02 lô đất liền kề trở lên, cùng một mặt đường: Chỉ giới xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ; trường hợp có nhu cầu tạo sân trước thì khoảng lùi công trình tối thiểu là 3,0 m so với chỉ giới đường đỏ;

- + Các công trình nhà ở cần tạo sân sau (khoảng thông tầng phía sau) tối thiểu là 1,5 m theo chiều dài lô đất.”

- Điều chỉnh tiết b điểm 5.1 như sau:

“b) Đất ở biệt thự:

- Mật độ xây dựng (kể cả xây dựng trên 01 hoặc nhiều lô đất):

- + Tối đa 65% đối với lô đất có diện tích từ 240 m<sup>2</sup> đến 360 m<sup>2</sup>;
- + Tối đa 55% đối với lô đất có diện tích từ lớn hơn 360 m<sup>2</sup> đến nhỏ hơn 500 m<sup>2</sup>;

- + Tối đa 50% đối với lô đất có diện tích từ 500 m<sup>2</sup> đến nhỏ hơn 1.000 m<sup>2</sup>;
- + Tối đa 40% đối với lô đất có diện tích từ 1.000 m<sup>2</sup> trở lên.

- Tầng cao xây dựng: Từ 01 - 03 tầng (không kể tầng hầm, bán hầm, tầng lửng, tầng kỹ thuật, tầng áp mái, mái tum thang).

- Chỉ giới xây dựng: Lùi tối thiểu 3,0 m so với chỉ giới đường đỏ.”

- Điều chỉnh tiết c điểm 5.1 như sau:

“c) Đất xây dựng nhà cao tầng: Bố trí 03 công trình dọc đường Tôn Đức Thắng có công năng sử dụng là căn hộ, thương mại, dịch vụ, văn phòng...; 04 công trình cao tầng dọc khu vực ven biển để kinh doanh dịch vụ, thương mại, kết hợp căn hộ cao cấp và khách sạn 05 sao; 01 tòa lâu đài theo kiểu kiến trúc cổ điển, sang trọng với công năng chính là phòng nghỉ cao cấp, kháng phòng hiện

đại để tổ chức hòa nhạc và các sự kiện lớn... Các khối nhà cao tầng có thiết kế tầng hầm sử dụng làm bãi đậu xe cho toàn khu vực.

- Mật độ xây dựng công trình: Tối đa 40%. Riêng đối với khu đất dọc ven biển (xây dựng 04 công trình cao tầng), mật độ xây dựng công trình chính trên mỗi lô đất không vượt quá 22%.

- Chiều cao xây dựng công trình (không kể tầng hầm, bán hầm, tầng lửng, tầng kỹ thuật, tầng áp mái, mái tum thang):

+ Đối với 03 công trình dọc đường Tôn Đức Thắng: Tối đa 20 tầng;

+ Đối với 04 công trình cao tầng dọc ven biển: Tối đa 39 tầng.

+ Đối với tòa lâu đài dọc biển: 03 tầng.

- Chỉ giới xây dựng:

+ Đối với các công trình dọc biển: Lùi tối thiểu 10,0 m so với chỉ giới đường đỏ;

+ Đối với các công trình dọc đường Tôn Đức Thắng: Lùi tối thiểu 6,0 m so với chỉ giới đường đỏ.”

**1.4.** Điều chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại khoản 6 Điều 1, cụ thể:

a) Điều chỉnh cao độ san nền tại điểm 6.1 như sau:

“...

- Cao độ thiết kế san nền thấp nhất: 3,0 m.

- Cao độ thiết kế san nền cao nhất: 5,17m.”

b) Điều chỉnh, bổ sung mạng lưới giao thông tại điểm 6.2 như sau:

- Mở rộng vòng xoay tại giao lộ trục đường quy hoạch số 03 và trục đường quy hoạch số 11.

- Điều chỉnh hướng tuyến đường quy hoạch số 11 (đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến vòng xoay) và điều chỉnh thành đường quy hoạch số 17.

- Giảm chiều rộng vỉa hè đường số 5 và số 6 (tại khu vực tiếp giáp công viên cây xanh - CX2) từ 5,0 m xuống 4,0 m.

- Bổ sung 01 tuyến đường đi bộ xuống biển, lộ giới 6,0 m, chiều dài khoảng 130,7 m (đối diện đường quy hoạch số 12).

c) Điều chỉnh khẩu độ cống thoát nước mưa tại tiết b điểm 6.8 như sau:

“...

- Hệ thống cống thoát nước mưa đặt dưới vỉa hè, tại những vị trí không vướng các hệ thống hạ tầng kỹ thuật; sử dụng các loại cống bê tông ly tâm từ D1000 đến D1800, cống hộp (2x2)m.”

d) Điều chỉnh cống thoát nước thải tại điểm 6.9 như sau:

“...

- Mạng lưới thoát nước thải chính trong khu vực quy hoạch là cống HDPE D400, HDPE D600, HDPE D800 được nối bằng đai nối chuyên dụng.”

e) Bổ sung điểm 6.11 như sau:

“6.11. Hệ thống Camera:

Lắp đặt 08 camera tại các giao lộ: Đường số 03 - đường số 01; đường số 02 - đường số 08; đường số 06 – đường số 07; đường số 17 – đường số 02; đường số 02 – đường số 12; đường số 06 – đường số 12; đường số 13 – đường số 14; đường số 03 – đường số 14.”

## **2. Điều chỉnh Quy định quản lý ban hành kèm theo Quyết định số 3762/QĐ-UBND ngày 25/12/2015:**

**2.1.** Điều chỉnh tổng diện tích khu vực quy hoạch tại khoản 1 Điều 2 như sau: “Khoảng 64,5656 ha (bao gồm 62,0656 ha đất thuộc dự án Khu đô thị du lịch biển Phan Thiết và 2,5 ha đất thuộc dự án Rang Dong Luxury Apartment Tower”.

**2.2.** Điều chỉnh quy định về sử dụng đất tại Điều 3 như sau:

### **Bảng cân bằng quy hoạch sử dụng đất**

<b>STT</b>	<b>Loại đất</b>	<b>Diện tích (ha)</b>	<b>Tỷ lệ (%)</b>
1	Đất ở kết hợp thương mại – dịch vụ	38,7315	59,99
2	Đất công cộng (nhà trẻ, mầm non, sinh hoạt khu phố)	0,2519	0,39
3	Đất giao thông	19,8692	30,77
4	Đất công viên cây xanh, cây xanh giao thông	5,7130	8,85
<b>Tổng</b>		<b>64,5656</b>	<b>100,00</b>

**2.3.** Điều chỉnh cao độ san nền quy định tại khoản 2 Điều 4 như sau:

“...

- Cao độ thiết kế san nền thấp nhất: 3,0m;
- Cao độ thiết kế san nền cao nhất: 5,17m.”

**2.4.** Bổ sung quy định về môi trường tại tiết b khoản 4 Điều 4 như sau:

“...

- Đầu tư xây dựng hệ thống kè chống xói lở dọc theo bờ biển dự án (theo ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Kết luận số 176-KL/TU ngày 22/6/2016).”

**2.5.** Điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất quy định tại khoản 2 Điều 5: Theo Phụ lục chi tiết đính kèm.

**2.6.** Điều chỉnh quy định về chức năng tại khoản 3 Điều 5, cụ thể:

a) Điều chỉnh quy định chỉ giới xây dựng tại tiết a điểm 3.1 như sau:

“- Chỉ giới xây dựng:

+ Đối với nhà ở trên 01 lô đất: Chỉ giới xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ; trường hợp có nhu cầu về thiết kế tạo không gian kiến trúc, cảnh quan thì được phép lùi tối đa 0,5 m so với chỉ giới đường đỏ;

+ Đối với nhà ở xây dựng trên từ 02 lô đất liền kề trở lên, cùng một mặt đường: Chỉ giới xây dựng trùng với chỉ giới đường đỏ; trường hợp có nhu cầu tạo sân trước thì khoảng lùi công trình tối thiểu là 3,0 m so với chỉ giới đường đỏ;

+ Các công trình nhà ở cần tạo sân sau (khoảng thông tầng phía sau) tối thiểu là 1,5 m theo chiều dài lô đất.”

- Độ vươn ra tối đa của ban công...”

b) Điều chỉnh, bổ sung quy định về mật độ và tầng cao xây dựng tại tiết b điểm 3.1 như sau:

“- Mật độ xây dựng trên mỗi lô đất tối đa 80%. Riêng những lô đất có diện tích nhỏ hơn 100 m<sup>2</sup> thì mật độ xây dựng tối đa 90%. Trường hợp gộp 02 lô đất trở lên thì mật độ xây dựng như sau:

+ Tối đa 70% đối với lô đất có diện tích từ 141 m<sup>2</sup> đến nhỏ hơn 240 m<sup>2</sup>;

+ Tối đa 65% đối với lô đất có diện tích từ 240 m<sup>2</sup> đến 360 m<sup>2</sup>;

+ Tối đa 55% đối với lô đất có diện tích từ lớn hơn 360 m<sup>2</sup> đến nhỏ hơn 500 m<sup>2</sup>;

+ Tối đa 50% đối với lô đất có diện tích từ 500 m<sup>2</sup> đến nhỏ hơn 1.000 m<sup>2</sup>;

+ Tối đa 40% đối với lô đất có diện tích từ 1.000 m<sup>2</sup> trở lên.”

- Tầng cao xây dựng: 03 – 07 tầng (không kể tầng hầm, bán hầm, tầng lửng, tầng kỹ thuật, tầng áp mái, mái tum thang)”

c) Điều chỉnh, bổ sung cao độ nền tầng 1 (tầng trệt) quy định tại tiết c điểm 3.1 như sau:

“...

- Cao độ nền tầng 1 (tầng trệt) tối đa 0,15 m (so với cốt mép trong nền vỉa hè). Trường hợp công trình xây dựng có tầng hầm hoặc nửa hầm thì cao độ nền tầng 1 tối đa là 2,2 m so với cốt nền mép trong vỉa hè.

- Bất cấp lên nền nhà không được xây dựng vượt quá chỉ giới đường đỏ.”

d) Điều chỉnh, bổ sung quy định về mật độ xây dựng và tầng cao xây dựng tại tiết b điểm 3.2 như sau:

“- Mật độ xây dựng (kể cả xây dựng trên 01 hoặc nhiều lô đất):

+ Tối đa 65% đối với các lô đất có diện tích từ 240 m<sup>2</sup> đến 360 m<sup>2</sup>;

+ Tối đa 55% đối với các lô đất có diện tích từ lớn hơn 360 m<sup>2</sup> đến nhỏ hơn 500 m<sup>2</sup>;

+ Tối đa 50% đối với các lô đất có diện tích từ 500 m<sup>2</sup> đến nhỏ hơn 1.000 m<sup>2</sup>;

- + Tối đa 40% đối với các lô đất có diện tích từ 1.000 m<sup>2</sup> trở lên.
- Tầng cao xây dựng: Từ 01 - 03 tầng (không kể tầng hầm, bán hầm, tầng lửng, tầng kỹ thuật, tầng áp mái, mái tum thang).

e) Bổ sung quy định về chiều cao tầng tại tiết c điểm 3.2 như sau:

“ ...

- Trường hợp lô đất xây dựng biệt thự có diện tích từ 1.500 m<sup>2</sup> trở lên: Chiều cao tầng 1 tối đa 4,8 m (tính từ cốt nền tầng trệt), tầng 2 trở lên tối đa 4,5 m; trường hợp có tầng lửng thì cốt sàn tầng 2 tối đa là 6,5 m (so với cốt mép trong nền vỉa hè); cao độ nền tầng trệt (tầng 1) tối đa 0,5 m; trường hợp xây dựng có tầng hầm hoặc bán hầm thì cao độ nền tầng 1 tối đa là 3,4 m (tính từ cốt mép trong nền vỉa hè).”

**2.7.** Điều chỉnh quy định về vật liệu xây dựng tại Điều 7 như sau:

Thay thế nội dung “*thực hiện theo Thông tư số 09/2012/TT-BXD ngày 28/11/2012 của Bộ Xây dựng về việc quy định sử dụng vật liệu không nung trong các công trình xây dựng*” bằng “*Thông tư số 13/2017/TT-BXD ngày 08/12/2017 của Bộ Xây dựng quy định sử dụng vật liệu không nung trong các công trình xây dựng*”; thay thế nội dung “*Khi xây dựng công trình, nhà ở bắt buộc phải sử dụng vật liệu xây dựng không nung*” thành “*khuyến khích sử dụng vật liệu xây dựng không nung khi xây dựng công trình, nhà ở*”.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện:

1. Sở Xây dựng có trách nhiệm phối hợp với UBND thành phố Phan Thiết tổ chức kiểm tra, quản lý chặt chẽ và hướng dẫn Chủ đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng được phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh; chịu trách nhiệm kiểm tra và xác nhận hồ sơ thiết kế quy hoạch điều chỉnh kèm theo.

2. UBND thành phố Phan Thiết có trách nhiệm phối hợp với Công ty TNHH Khu đô thị du lịch biển Phan Thiết và Công ty TNHH Khu nghỉ mát Phan Thiết triển khai công bố công khai đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng được phê duyệt; thời gian và nội dung công bố công khai thực hiện theo quy định.

3. Công ty TNHH Khu đô thị du lịch biển Phan Thiết và Công ty TNHH Khu nghỉ mát Phan Thiết có trách nhiệm:

- Chủ động phối hợp với UBND thành phố Phan Thiết triển khai công bố công khai đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng được phê duyệt.

- Liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan của tỉnh để được hướng dẫn, cập nhật biến động đất đai của dự án; nộp tiền sử dụng đất do điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng (nếu có).

- Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính có trách nhiệm rà soát, tính toán tiền sử dụng đất phải nộp do điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng (nếu có) theo Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 1322/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của UBND tỉnh. Ngoài nội dung được điều chỉnh tại Quyết định này, các nội dung khác thực hiện theo Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 06/4/2015 và Quyết định số 3762/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch UBND thành phố Phan Thiết, Chủ tịch UBND phường Phú Thủy, Giám đốc Công ty TNHH Khu đô thị du lịch biển Phan Thiết, Giám đốc Công ty TNHH Khu nghỉ mát Phan Thiết và thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

***Nơi nhận:***

- TT. Tỉnh ủy (báo cáo);
- CT, PCT UBND tỉnh Lương Văn Hải;
- Như Điều 4;
- Lưu VT, ĐTQH XD. Thiện

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Ngọc Hai**



## PHỤ LỤC

### Điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2631 /QĐ-UBND ngày 01 / 10 /2018  
của UBND tỉnh Bình Thuận)

STT	Ký hiệu	Loại đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Kích thước (m) hoặc diện tích lô	MĐXD tối đa (%)	Số tầng cao	Số lô	Ghi chú
1	Phố A1	Biệt thự	9.614,00	37 x 20	50	1-3	13	Lô số chẵn
		Nhà phố	5.610,55	20 x 7	80	3-7	33	Lô số lẻ
2	Phố A2	Nhà phố	4.776,90	20 x 7	80	3-7	32	Lô số chẵn
		Nhà phố	5.193,75	20 x 7	80	3-7	37	Lô số lẻ
3	Phố A3	Nhà phố	4.757,15	20 x 7	80	3-7	34	Lô số chẵn
		Nhà phố	893,80	23 x ...	80	3-7	6	Lô N2 (14→24)
		Nhà phố	4.736,55	20 x 7	80	3-7	34	Lô số lẻ
4	Phố A4	Nhà phố	4.737,15	20 x 7	80	3-7	34	Lô số chẵn
		Nhà phố	913,50	23 x ...	80	3-7	6	Lô N2 (04→12)
		Nhà phố	4.666,31	20 x 7	80	3-7	32	Lô số lẻ
5	Phố A5	Nhà phố	3.627,09	20 x 7	80	3-7	26	-
		Nhà phố	456,90	23 x ...	80	3-7	3	Lô N2 (04→12)
6	Phố A6	Nhà phố	2.363,63	20 x 7	80	3-7	17	Lô số chẵn
		Nhà phố	759,50	... x 5	80	3-7	7	Lô N3 (08→20)
		Nhà phố	8.919,36	20 x 5	80	3-7	89	Lô số lẻ
7	Phố A7	Nhà phố	8.744,53	... x 5	80	3-7	87	-
		Nhà phố	281,00	... x 5	80	3-7	3	Lô N3 (02→06)
8	Phố B1	Biệt thự	8.565,67	20x37	50	1-3	7	Lô số chẵn
				3.388,8 m <sup>2</sup>	40	1-3	1	-
			5.237,64	20 x 18	65	1-3	14	Lô số lẻ
9	Phố B2	Biệt thự	5.235,52	20 x 12	65	1-3	21	Lô số chẵn
		Nhà phố	6.141,45	20 x 7	80	3-7	30	Lô số lẻ
				1.924,6 m <sup>2</sup>	40	3-7	1	-
10	Phố B3	Nhà phố	3.779,85	20 x 7	80	3-7	27	Lô số chẵn
		Nhà phố	873,60	23 x ...	80	3-7	6	Lô N2 (13→23)
		Nhà phố	4.371,10	20 x 7	80	3-7	29	Lô số lẻ
11	Phố B4	Nhà phố	4.201,00	20 x 7	80	3-7	29	-
		Nhà phố	436,60	22 x ...	80	3-7	3	Lô N2 (07→09)

STT	Ký hiệu	Loại đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Kích thước (m) hoặc diện tích lô	MĐXD tối đa (%)	Số tầng cao	Số lô	Ghi chú
12	Phố B5	Nhà phố	3.761,22	20 x 7	80	3-7	24	-
13	Phố B6	Nhà phố	3.591,12	20 x 7	80	3-7	24	-
14	Phố B7	Nhà phố	2.400,10	20 x 7	80	3-7	17	-
		Nhà phố	385,20	22 x ...	80	3-7	3	Lô N3 (22→26)
15	Phố C1	Biệt thự	7.963,45	20 x 18	65	1-3	5	-
				3.769,7m <sup>2</sup>	40	1-3	1	-
				2.393,75	40	1-3	1	-
16	Phố C2	Biệt thự	1.800,00	20 x 12	65	1-3	7	Lô số chẵn
		Biệt thự	4.586,59	20 x 12	65	1-3	19	Lô số lẻ
17	Phố C3	Biệt thự	4.442,63	20 x 12	65	1-3	18	Lô số chẵn
		Nhà phố	4.142,24	20 x 7	80	3-7	28	Lô số lẻ
18	Phố C4	Nhà phố	3.998,28	20 x 7	80	3-7	27	Lô số chẵn
		Nhà phố	269,80	... x 7	80	3-7	2	Lô N4 (20→22)
		Nhà phố	3.036,09	20 x 7	80	3-7	22	Lô số lẻ
19	Phố C5	Nhà phố	2.939,79	... x 7	80	3-7	21	-
		Nhà phố	328,20	... x 7	80	3-7	2	Lô N4 (16→18)
20	Phố C6	Nhà phố	2.240,22	20 x 7	80	3-7	16	-
		Nhà phố	386,90	... x 6.5	80	3-7	3	Lô N3 (21→25)
		Nhà phố	451,30	... x 6.5	80	3-7	3	Lô N4 (12→14)
21	Phố C7	Nhà phố	1.959,85	20 x 7	80	3-7	14	Lô số chẵn
		Nhà phố	775,80	... x 6.5	80	3-7	7	Lô N3 (07→19)
		Nhà phố	921,10	... x 6.5	80	3-7	7	Lô N4 (05→11)
		Nhà phố	1.500,05	20 x 5	80	3-7	15	Lô số lẻ
22	Phố C8	Nhà phố	1.132,71	... x 5	80	3-7	13	-
		Nhà phố	305,00	... x 5	80	3-7	3	Lô N3 (01→05)
		Nhà phố	393,60	... x 5	80	3-7	4	Lô N4 (01→04)
23	Phố D1	Biệt thự	6.713,75	20 x 18	65	1-3	18	-
24	Phố D2	Biệt thự	6.713,75	20 x 12	65	1-3	28	Lô số chẵn
		Nhà phố	553,40	21 x ...	80	3-7	2	Lô N5

STT	Ký hiệu	Loại đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Kích thước (m) hoặc diện tích lô	MĐXD tối đa (%)	Số tầng cao	Số lô	Ghi chú
								(32→33)
		Nhà phố	6.296,85	20 x 7	80	3-7	44	Lô số lẻ
25	Phố D3	Nhà phố	6.296,85	20 x 7	80	3-7	44	Lô số chẵn
		Nhà phố	697,30	21 x ...	80	3-7	4	Lô N5 (20→24; 31)
		Nhà phố	6.296,85	20 x 7	80	3-7	45	Lô số lẻ
		Nhà phố	6.296,85	20 x 7	80	3-7	45	Lô số chẵn
26	Phố D4	Nhà phố	416,90	21 x ...	80	3-7	3	Lô N4 (19→23)
		Nhà phố	833,70	21 x 6.5	80	3-7	6	Lô N5 (08→18)
		Nhà phố	5.880,05	20 x 7	80	3-7	42	Lô số lẻ
		Nhà phố	5.574,74	19 x 7	80	3-7	42	-
27	Phố D5	Nhà phố	302,80	21 x ...	80	3-7	2	Lô N4 (15→17)
		Nhà phố	395,80	21 x 6.5	80	3-7	3	Lô N5 (02→06)
		Nhà phố	4.946,97	20 x 7	80	3-7	34	-
28	Phố E1	Nhà phố	4.946,97	20 x 7	80	3-7	34	-
29	Phố E2	Nhà phố	5.118,18	20 x 7	80	3-7	35	Lô số chẵn
		Nhà phố	416,90	21 x 6.5	80	3-7	3	Lô N5 (28→30)
		Nhà phố	5.030,52	20 x 7	80	3-7	36	Lô số lẻ
30	Phố E3	Nhà phố	5.184,64	20 x 7	80	3-7	36	Lô số chẵn
		Nhà phố	833,70	21 x 6.5	80	3-7	6	Lô N5 (19→27)
		Nhà phố	5.505,65	20 x 7	80	3-7	39	Lô số lẻ
31	Phố E4	Nhà phố	5.659,78	20 x 7	80	3-7	40	Lô số chẵn
		Nhà phố	833,80	21 x 6.5	80	3-7	6	Lô N5 (07→17)
		Nhà phố	3.519,35	20 x 7	80	3-7	24	Lô số lẻ
32	Phố E5	Nhà phố	2.513,28	19 x 7	80	3-7	19	-
		Nhà phố	396,00	21 x 7	80	3-7	3	Lô N5 (01→05)
		Cộng	256.833,7				1,576	
34	OT1	Nhà cao tầng	5.216,30	-	40	20	1	-
35	OT2	Nhà cao tầng	4.002,00	-	40	20	1	-
36	OT3	Nhà cao tầng	6.560,00	-	40	20	1	-

STT	Ký hiệu	Loại đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Kích thước (m) hoặc diện tích lô	MĐXD tối đa (%)	Số tầng cao	Số lô	Ghi chú
37	Lâu dài		30.000,00	-	40	03	1	-
38	TW 1	Nhà cao tầng	20.000,00	-	40	39	1	-
39	TW 2	Nhà cao tầng	22.000,00		40	39	1	-
40	TW 3	Nhà cao tầng	22.000,00	-	40	39	1	-
41	TW 4	Nhà cao tầng	20.704,70	-	40	39	1	-
<b>Tổng</b>			<b>387.316,7</b>				<b>1,584</b>	